

TÔN GIÁO VÀ SỰ PHÂN CHIA QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ Ở HOA KỲ

TS. Nguyễn Văn Dũng
Viện Nghiên cứu Tôn giáo

Năm 2006, Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush đã chọn ngày 16 tháng 1 là *Ngày tự do tôn giáo*. Sự việc này liên quan tới một sự kiện lịch sử cách đây 220 năm của nước Mỹ. Ngày 16/1/1786, tại bang Virginia, thuộc miền Bắc Hoa Kỳ, đạo luật về tự do tôn giáo do Thomas Jefferson soạn thảo đã được thông qua. Ông cũng từng là tác giả của bản dự thảo *Tuyên ngôn độc lập* của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ được thông qua ngày 4/7/1776 mà C. Mác đã gọi là “Tuyên ngôn đầu tiên về quyền con người” và trở thành vị Tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ nhiệm kì 1801-1809. Trước đó, với khuynh hướng dân chủ tư sản, Thomas Jefferson đã từng đảm nhận chức vụ Ngoại trưởng Hoa Kỳ (1790-1793) và Phó Tổng thống Hoa Kỳ (1797-1801). Việc G. W. Bush chọn ngày này làm *Ngày tự do tôn giáo* với tư tưởng dân tộc Mỹ là sự lựa chọn của Chúa, “Một dân tộc thống nhất trước Chúa” cho thấy vị Tổng thống Hoa Kỳ này muốn một lần nữa tuyên bố với thế giới rằng Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là người bảo vệ tự do tôn giáo trên toàn thế giới. Chính vì thế, trong tuyên bố nhân kỷ niệm ngày này, ông chỉ nói tới tự do tôn giáo trên thế giới mà không hề đề cập tới tự do tôn giáo ở Hoa Kỳ.

Ở một bài viết khác, chúng tôi đã có dịp tìm hiểu về vị trí của tôn giáo trong đời sống chính trị - xã hội Hoa

Kỳ nửa sau thế kỉ XX¹. Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập cụ thể hơn vấn đề tôn giáo và sự phân chia quyền lực chính trị ở Hoa Kỳ.

Nói đến tôn giáo Hoa Kỳ, mặc dù là nước đa chủng tộc, đa tôn giáo, nhưng trước hết là nói đến Kitô giáo mà cụ thể là Công giáo và các hệ phái Tin lành. Các tổng thống Hoa Kỳ đều là những tín đồ Kitô giáo. Từng có tổng thống Hoa Kỳ là tín đồ Công giáo, nhưng đa số họ đều là tín đồ các hệ phái Tin lành. Song việc một tín đồ Kitô giáo thuộc hệ phái nào đó giành được vị trí cao nhất trong guồng máy chính trị Hoa Kỳ hoàn toàn không phụ thuộc vào việc có bao nhiêu tín đồ Công giáo hay có bao nhiêu tín đồ của từng hệ phái Tin lành tham dự vào bộ máy chính quyền cao cấp của nước này. Hơn thế nữa, chúng tôi chưa nhận thấy có mối quan hệ trực tiếp nào giữa đảng tịch với tôn giáo tịch của các chính trị gia cao cấp Hoa Kỳ. Ví dụ, trong thành phần của Thượng viện Hoa Kỳ hiện nay có 25 người Công giáo, thì 16 người thuộc đảng Dân chủ và 9 người thuộc đảng Cộng hoà.

Trong số các giáo hội Kitô giáo ở Hoa Kỳ, có thể nói Giáo hội Episcopalians (Giáo hội Thượng tôn Giám mục đoàn) chiếm kỉ lục về số lượng tín đồ được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ. Trong suốt lịch sử Hoa Kỳ, người ta tính được rằng có tới 11 tổng

thống thuộc Giáo hội Episcopalians. Trong số đó có 4 người trở thành các ông chủ Nhà Trắng trong thế kỷ XX. Nếu theo logic thông thường, qua con số thống kê trên, chúng ta có thể đi đến kết luận là Giáo hội Episcopalians là hệ phái Tin lành mạnh nhất ở Hoa Kỳ. Suy luận này hoàn toàn sai lầm. Trên thực tế, tín đồ của Giáo hội này chỉ chiếm 1,7% dân số nước Mỹ. Trong khi đó, Giáo hội Presbyterians (Giáo hội Trưởng lão) với số tín đồ chiếm 2,8% dân số nước này, trong thế kỷ qua chỉ có 3 người được bầu làm tổng thống Hoa Kỳ².

Nhiều giáo hội Kitô giáo khác (các hệ phái Tin lành và Giáo hội Công giáo), tuy có số tín đồ đông đảo và khá nổi tiếng trong dân chúng Mỹ, song số lượng tín đồ tham gia guồng máy Chính quyền Hoa Kỳ lại không tương xứng với danh tiếng tôn giáo của họ. Ví dụ, người Công giáo chiếm tới 1/4 dân số nước Mỹ, song trong suốt lịch sử Hoa Kỳ cho tới nay chỉ có duy nhất một người được bầu làm tổng thống, đó là John Kennedy - Tổng thống thứ 35 của Hoa Kỳ (1961-1963), người thuộc đảng Dân chủ. Giáo hội Baptists, một hệ phái lớn nhất của đạo Tin lành Mỹ, chiếm 18% dân số nước Mỹ, cho đến nay chỉ có 4 tín đồ được bầu làm tổng thống, trong đó 3 người được bầu trong thế kỷ XX.

Nhiều cộng đồng tôn giáo khác như: Giáo hội Lutherans, Giáo hội Mormons, Do thái giáo, Islam giáo, Phật giáo, Chính thống giáo cho tới nay chưa có một tín đồ nào trở thành tổng thống Hoa Kỳ. Đó là chưa kể có tới 15% dân số nước này tự nhận mình là những người vô thần hay bất khả tri và trong số họ trong lịch sử Hoa Kỳ vẫn chưa có ai trở thành tổng thống. Hơn thế nữa, hiện nay trong số các nghị sĩ của Quốc hội Hoa Kỳ,

không có ai không phải là tín đồ tôn giáo. Chỉ duy nhất có một nghị sĩ trong Hạ viện Hoa Kỳ năm 2007 tuyên bố rằng mình là "người không hữu thần" (Non - Theist). Đây là một trào lưu tôn giáo có sự pha trộn giữa vô thần luận, bất khả tri luận và Phật giáo, trong đó Đấng Tối cao bị bác bỏ.

Tình trạng mất cân đối này hoàn toàn không có nghĩa là nhân tố tôn giáo ít ảnh hưởng tới quá trình bầu cử ở Hoa Kỳ. Các nghiên cứu xã hội học cho thấy rằng, sự thể hiện ý nguyện của người dân tương đối dễ dự báo nếu chú ý tới tôn giáo tịch của người đó thuộc về tổ chức tôn giáo này hay tổ chức tôn giáo khác. Còn nếu dựa vào các chỉ báo khác mà các cơ quan bầu cử thường thống kê như: lứa tuổi, giới tính, trình độ văn hoá, nơi cư trú,... thì việc dự báo sẽ phức tạp hơn nhiều. Theo số liệu điều tra của Viện Gallup vào tháng 3 năm 2004, có tới 64% người dân Mỹ tuyên bố rằng niềm tin tôn giáo của họ ảnh hưởng tới việc họ sẽ dành lá phiếu cho ai trong các cuộc bầu cử. Các chuyên gia nhận xét rằng, những người có tín ngưỡng tôn giáo thể hiện ý nguyện của mình một cách kiên định hơn so với những người không có tín ngưỡng tôn giáo và họ cũng tham gia bầu cử thường xuyên hơn. Do vậy, không có gì ngạc nhiên khi các nhà chính trị Mỹ trong các cuộc vận động trước bầu cử thường cố gắng chiếm cảm tình của tín đồ các tôn giáo. Họ coi việc giành cảm tình của những người có tín ngưỡng tôn giáo là một trong những chủ đề cơ bản trong các cuộc vận động tranh cử.

Trong một trong những cuốn sách gần đây của mình, Pieter Williams - nhà tôn giáo học Mỹ, giáo sư các trường đại học Miami, Oxford và Ohio, đã nhận xét rằng, ở Hoa Kỳ tôn

tại nguyên tắc “địa lí” trong truyền bá đức tin Kitô giáo. Nếu như ở các thành phố lớn, các giáo hội Kitô giáo và các tổ chức tôn giáo khác cùng tồn tại kề vai sát cánh, thì ở các vùng nông thôn lại có sự phân chia rõ rệt. Ví dụ, người Công giáo chiếm đa số dân cư vùng Đông Bắc Hoa Kỳ (các bang Connecticut, Maine, Massachusetts, New Hampshire, New Jersey, Rhode Island, Michigan). Đây là vùng đất trong thời kì đầu của lịch sử Mỹ người Italia, người Ireland và người Ba Lan đã tới định cư. Trong khi đó, những người Công giáo đến từ Mỹ Latinh trước đây cũng như hiện nay tiếp tục khai phá vùng Tây Nam Hoa Kỳ.

Tín đồ Tin lành thuộc các hệ phái Lutherans, Methodists, Presbyterians định cư nhiều ở vùng giữa miền Tây Hoa Kỳ. Tín đồ Giáo hội Baptists tập trung đông ở các bang West Virginia và Arkansas. 71% dân số bang Utah là tín đồ Giáo hội Mormons, ngoài ra họ còn cư trú tại các bang miền Tây như California, Oregon, Nevada.

Các bang miền Trung và miền Nam Hoa Kỳ là nơi cư trú chủ yếu của những người Tin lành da trắng có nguồn gốc từ Châu Âu. Họ được coi là “những người Mỹ thực thụ” - “những người Tin lành Anglo-Saxon”. Trong các chiến dịch tranh cử, nơi đây là đại bản doanh của những người thuộc đảng Cộng hoà. Đến lượt mình, cử tri chủ yếu của đảng Dân chủ là cư dân sống ở các vùng duyên hải, một “lò luyện” thực sự, trong đó trộn lẫn cư dân của các dân tộc, các nền văn hoá và tôn giáo khác nhau. Những người thuộc đảng Cộng hoà bảo thủ hơn trong các vấn đề đạo đức so với những người thuộc đảng Dân chủ và vì vậy việc họ giành được thắng lợi ở các bang có đông tín đồ theo Giáo hội

Baptists và Giáo hội Pentacostals (Giáo hội Ngũ tuần) là điều hoàn toàn không phải ngẫu nhiên. Trong đảng Cộng hoà cũng có tín đồ Công giáo, nhưng việc đưa họ ra làm ứng cử viên tổng thống là điều không thể làm được trên thực tế, bởi vì các bang có đông dân chúng theo đạo Tin lành rất khó có thể ủng hộ một ứng cử viên như thế.

Theo ý kiến các chuyên gia, nguyên nhân của vấn đề trên không chỉ ở phương diện đạo đức, mà nó còn ở sự khác biệt tính tôn giáo mẫu nhiệm giữa Công giáo và Tin lành giáo. Chính trị gia người Công giáo không phải lúc nào cũng sẵn lòng xác tín đức tin của cá nhân mình một cách thẳng thắn. Các cử tri Tin lành vùng giữa miền Tây hoặc miền Nam Hoa Kỳ không hoàn toàn tin tưởng một ứng cử viên như thế. Do vậy, những người Công giáo làm chính trị thường phải kết giao một cách dễ dãi hơn với đảng Dân chủ trong các vấn đề đạo đức. Đôi khi từ mối kết giao này xuất hiện sự bất hoà giữa họ với các chức sắc bảo thủ của Giáo hội Công giáo.

Năm 1928, ứng cử viên Tổng thống Hoa Kỳ thuộc đảng Dân chủ El Smith là một người Công giáo. Ông đã tuyên bố rằng, lòng trung thành của ông đối với Giáo hội Công giáo cao hơn lòng trung thành đối với Hiến pháp Hoa Kỳ và nhân dân Mỹ nói chung. Câu nói đó đã làm người Mỹ nổi giận. Chiếc ghế Tổng thống Hoa Kỳ đã không dành cho ứng cử viên này. Vị Tổng thống đầu tiên và duy nhất là người Công giáo trong lịch sử Hoa Kỳ cho tới nay - John Fitzgerald Kennedy - năm 1960 đã tuyên bố theo ý ngược lại với E. Smith. Ông nói rằng, ông sẽ tuân thủ Hiến pháp Hoa Kỳ thậm chí trong cả trường hợp nếu những hành động của ông trái với quan điểm của

Giáo hội. Chúng ta cũng nhớ lại những lời phê phán của Tòa Thánh Vatican đối với ứng cử viên Tổng thống Hoa Kỳ thuộc đảng Dân chủ John Kerry năm 2004. Theo Tòa Thánh Vatican, Thượng Nghị sĩ J. Kerry không nên ủng hộ quyền phụ nữ phá thai.

Theo số liệu điều tra của tổ chức Pew Research Center vào giữa năm 2006: 51% số người Mỹ được hỏi cho rằng, tất cả các cộng đồng tôn giáo - Kitô giáo, Islam giáo, Do thái giáo hay Phật giáo - đều buộc phải bày tỏ quan điểm chính trị của các tín đồ của họ; 46% số người Mỹ được hỏi bày tỏ ý kiến cho rằng, các tổ chức tôn giáo Hoa Kỳ không thể không làm chính trị.

Tổng thống Hoa Kỳ hiện nay George W. Bush trong các bài phát biểu của mình thường xuyên đề cập tới chủ đề tôn giáo. Số liệu điều tra của Viện Gallup đầu năm 2007 cho thấy, chỉ có 24% số người Mỹ được hỏi cho rằng, họ không hài lòng với điều này và muốn rằng, chủ đề tôn giáo trong các bài phát biểu của Tổng thống cần phải giảm bớt. Trong khi đó có tới 52% số người Mỹ được hỏi lại cho rằng những bài phát biểu như thế của Tổng thống G. W. Bush là "bình thường"; còn 14% người Mỹ thậm chí còn cho rằng Tổng thống nói về tôn giáo như thế là "chưa đủ".

Bary Linn, tác giả cuốn sách *Lòng mộ đạo và chính trị*, đã nhận xét rằng, những vấn đề "nhức nhối" lâu nay của nước Mỹ phần lớn là do kết quả các cuộc bầu cử và thường có nguyên nhân sâu xa từ tôn giáo. Điều này thường gắn với các vấn đề như quyền phụ nữ phá thai, quyền kết hôn của những người đồng tính, quyền được bài trí các biểu tượng tôn giáo trong các phòng làm việc của mình ở các cơ sở giáo dục và các cơ quan nhà

nước, quyền được sở hữu vũ khí của người Mỹ,... Cuộc tranh luận của các chính trị gia xung quanh những vấn đề này là tâm điểm chú ý của người Mỹ. Những người bảo thủ thuộc các hệ phái Tin lành đặc biệt hoạt động rất tích cực nhằm tăng cường ảnh hưởng của tôn giáo tới Nhà nước Hoa Kỳ nói riêng và xã hội Mỹ nói chung.

Theo nhận xét của tờ *Washington Profile*, trong những năm 1970-1980, sự quan tâm của các chính trị gia Hoa Kỳ đối với tôn giáo có giảm xuống. Sự phục hồi (Renaissance) diễn ra vào những năm 90 thế kỉ XX. Hiện nay, bất kì ứng cử viên tổng thống nào của Hoa Kỳ, trong các phát biểu của mình đều trích dẫn Kinh Thánh và nhấn mạnh tới tôn giáo, tới "đức tin vào Chúa". Trong lĩnh vực này, những người bảo thủ thuộc đảng Cộng hoà đặc biệt đạt nhiều thành công. Tuy nhiên, những người thuộc đảng Dân chủ theo phái tự do cũng nghĩ rằng họ không thua kém các đối thủ của họ. Nguyên Phó Tổng thống Hoa Kỳ Albert Gore, người thuộc đảng Dân chủ, năm 1999, khi phát biểu trước các cử tri đã thường xuyên nêu lên câu hỏi: "Vậy trong trường hợp này Chúa Jesus đã xử sự như thế nào?" Đây là thương hiệu của A. Gore trong chiến dịch tranh cử tổng thống, nhưng ông đã thua cuộc trước G. W. Bush.

Những người dự định tham gia cuộc chạy đua vào Nhà Trắng năm 2008 cũng nhấn mạnh tới tôn giáo yêu thích của mình. Các thượng nghị sĩ thuộc đảng Dân chủ Hillary Clinton và John Edwards đã công bố rằng họ thuộc Giáo hội Methodists. đảng viên đảng Dân chủ Barack Obama là tín đồ Liên hiệp Các nhà thờ Chúa Kitô. Nguyên thị trưởng New York, đảng viên đảng Cộng hoà Rudolph Giuliani nói về mình như một tín đồ Công giáo

bảo thủ và hy vọng nhận được sự ủng hộ của các cử tri Tin lành. Hai người thuộc đảng Cộng hoà là John McCain và Mitt Romney là tín đồ của các giáo hội Episcopalians và Mormons. Điều thú vị là trong số những người có khả năng là ứng cử viên Tổng thống Hoa Kỳ nhiệm kì tới có cả một người đã từng là mục sư Tin lành thuộc Giáo hội Baptists, nguyên Thống đốc bang Arkansas là Mike Huckabee.

Điều đáng lưu ý là chính Mitt Romney, Đảng viên đảng Cộng hoà, năm 1994 đã ủng hộ quyền phá thai và đòi tôn trọng quyền của thiểu số đồng tính, tuy rằng lúc đó điều này đã chống lại quan điểm của đại đa số đảng viên của đảng này. Nhưng hiện nay, ông lại phát biểu chống lại việc phá thai và hôn nhân đồng tính. Nguyên nhân của sự biến đổi này thật đơn giản: Năm 1994, ông này đã giành thắng lợi trong việc tranh cử Thống đốc Bang Massachusetts, một bang có truyền thống theo quan điểm tự do chủ nghĩa. Còn hiện nay là cuộc bầu cử tổng thống ở cấp liên bang, ông cần tranh thủ sự ủng hộ của phái tôn giáo bảo thủ là những cử tri của đảng Cộng hoà.

Đối với Rudolph Giuliani con đường chính trị cũng tương tự. Trước đây, tám năm liền làm thị trưởng một trong những thành phố tự do chủ nghĩa nhất Hoa Kỳ (thành phố New York), ông đã ủng hộ quyền phá thai, hôn nhân đồng tính và chống lại việc sở hữu vũ khí không được kiểm soát. Giờ đây, ông lại quay ngoắt 180 độ. Phát biểu trên kênh truyền hình bảo thủ nhất Hoa Kỳ *Fox News* cách đây không lâu, ông đã tuyên bố lên án việc ngừa thai bằng biện pháp nhân tạo.

Các tổ chức tôn giáo Hoa Kỳ ngày nay đang dần biến thành "các lò luyện sao chính trị". Hiện nay, các tổ chức

này đang gây ảnh hưởng trực tiếp tới các quá trình chính trị của nước Mỹ. Như chúng tôi đã nói tới ở phần đầu bài viết này, nếu chỉ dựa vào tôn giáo tịch của các nghị sĩ Quốc hội hay bộ trưởng trong chính quyền Nhà nước Hoa Kỳ, tức là xem xét nghị sĩ Quốc hội này hay bộ trưởng kia thuộc về tín đồ của tôn giáo này hay giáo phái khác, thì ta khó có thể phán đoán được số lượng tín đồ của các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ một cách chính xác.

Dưới đây chúng ta hãy quan sát và suy ngẫm những con số liên quan tới tôn giáo và cơ cấu chính quyền ở Hoa Kỳ.

Tín đồ Kitô giáo là các tổng thống Hoa Kỳ

Tất cả các tổng thống Hoa Kỳ trước đây và ông chủ Nhà Trắng hiện nay G. W. Bush đều là tín đồ Kitô giáo. Trong số đó: 11 người là tín đồ thuộc Giáo hội Episcopalians; 10 người là tín đồ thuộc Giáo hội Presbyterians; 5 người là tín đồ thuộc Giáo hội Methodists; 4 người là tín đồ thuộc Giáo hội Baptists; 4 người khác là tín đồ thuộc Giáo hội Unitasts; 2 người là tín đồ thuộc Giáo hội Quakers (Herbert Hoover, Tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ (1929-1933), người đảng Cộng hoà và Richard Nixon, Tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ (1969-1974), người thuộc đảng Cộng hoà); 2 người khác là tín đồ thuộc Giáo hội Các Môn đồ của Chúa Kitô (James Garfield, Tổng thống thứ 20 của Hoa Kỳ vào năm 1881, người thuộc đảng Cộng hoà; và Lindon Johnson, Tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ (1963-1969), người thuộc đảng Dân chủ); 1 người là tín đồ thuộc Giáo hội Cải cách Mỹ (Martin Van Buren); còn 3 tổng thống nữa của Hoa Kỳ cũng gọi mình là tín đồ Kitô giáo nhưng không nêu rõ mình thuộc giáo hội cụ thể nào, đó là Thomas

Jefferson, Tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ (1801-1809); Abraham Lincoln, Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ (1861-1865); và Andrew Johnson, Tổng thống thứ 17 của Hoa Kỳ (1865-1869), đều là người thuộc đảng Dân chủ. Như đã nêu ở trên, trong lịch sử Hoa Kỳ, cộng đồng Công giáo chỉ bầu được một đại biểu duy nhất vào Nhà Trắng, đó là Tổng thống John F. Kennedy.

Tổng thống đương nhiệm của Hoa Kỳ G. W. Bush lúc đầu thuộc Giáo hội Episcopalians, giống như người cha của mình, nhưng sau đó ông đã cải đạo và trở thành một tín đồ thuộc Giáo hội Methodists. Tôn giáo tịch của một số tổng thống Hoa Kỳ cho tới nay vẫn là câu hỏi chưa có lời giải đáp đối với các nhà nghiên cứu. Ví dụ, Theodore Roosevelt, Tổng thống thứ 26 của Hoa Kỳ (1901-1909), người thuộc đảng Cộng hoà, lúc đầu là tín đồ thuộc Giáo hội Cải cách Mỹ, nhưng sau đó, khi tới Washington, ông đã tới cầu nguyện tại nhà thờ thuộc Giáo hội Episcopalians. Còn Dwight. D. Eisenhower, Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ (1953-1961), người thuộc đảng Cộng hoà, năm 1953 là tín đồ của Giáo hội Presbyterians, nhưng sau đó, theo nhiều nguồn tư liệu khác nhau, ông lại được giáo dưỡng trong gia đình những người theo Giáo hội Mennonite, hoặc theo Giáo hội Chứng nhân Jehovah (Jehovah's witnesses).

Tín đồ các tôn giáo tại Thượng viện Hoa Kỳ

Trong số 100 thượng nghị sĩ trong Thượng viện Hoa Kỳ niên khoá 2006 có: 25 tín đồ Công giáo (16 người thuộc đảng Dân chủ, 9 người thuộc đảng Cộng hoà); 13 tín đồ Do Thái giáo (9 người thuộc đảng Dân chủ, 2 người thuộc đảng Cộng hoà, 2 người "tự do", trong đó có nguyên ứng cử viên Phó Tổng thống Joseph

Liebermann); 12 tín đồ Presbyterians (10 người thuộc đảng Dân chủ, 2 người thuộc đảng Cộng hoà); 11 tín đồ Methodists (6 người thuộc đảng Dân chủ, 5 người thuộc đảng Cộng hoà); 10 tín đồ Episcopalians (6 người thuộc đảng Dân chủ, 4 người thuộc đảng Cộng hoà); 7 tín đồ Baptists (6 người thuộc đảng Dân chủ, 1 người thuộc đảng Cộng hoà); 5 tín đồ Mormons (4 người thuộc đảng Dân chủ, 1 người thuộc đảng Cộng hoà); 3 tín đồ Congregationlists (2 người thuộc đảng Dân chủ, 1 người thuộc đảng Cộng hoà); 3 tín đồ Lutherans (cả 3 đều thuộc đảng Dân chủ); 2 tín đồ Tin lành nhưng không nói mình thuộc giáo hội cụ thể nào (1 người thuộc đảng Dân chủ, 1 người thuộc đảng Cộng hoà); 2 môn đồ Liên hiệp Các nhà thờ Chúa Kitô (cả hai đều thuộc đảng Dân chủ); 1 nữ tín đồ thuộc Giáo hội Chính Thống giáo Hy Lạp (thuộc đảng Cộng hoà); và còn 5 người nữa thuộc các hệ phái Tin lành nhỏ lẻ khác.

Tín đồ các tôn giáo tại Hạ viện Hoa Kỳ

Tại Hạ viện Hoa Kỳ hiện nay có tổng số 435 nghị sĩ, trong đó: 130 tín đồ Công giáo, 60 tín đồ Baptists, 49 tín đồ Methodists, 34 tín đồ Presbyterians, 30 tín đồ Do Thái giáo, 27 tín đồ Episcopalians, 22 tín đồ Tin lành không nêu rõ thuộc giáo hội nào, 14 tín đồ Islam giáo, 6 nghị sĩ không xác định mình thuộc tôn giáo nào, 1 người gọi mình là "Non-Theist", số nghị sĩ còn lại thuộc một số hệ phái Tin lành nhỏ lẻ khác.

Tín đồ các tôn giáo tại Toà án Tối cao Hoa Kỳ

Toà án Tối cao Hoa Kỳ hiện nay có 9 thẩm phán suốt đời, trong số đó có 5 người là tín đồ Công giáo. Chánh án Toà án Tối cao Hoa Kỳ John Robert cũng là người Công giáo. Số còn lại: 2

thẩm phán là tín đồ Do thái giáo, 1 người là tín đồ Episcopalians, 1 người là tín đồ Tin lành không nêu rõ hệ phái cụ thể. Trong suốt lịch sử của Toà án Tối cao Hoa Kỳ đã từng có 108 thẩm phán làm việc tại đây. Trong số đó: 35 tín đồ Episcopalians, 19 tín đồ Presbyterians, 11 tín đồ Công giáo, 10 tín đồ Unitarians, 7 tín đồ Do Thái giáo, 5 tín đồ Methodists, 3 tín đồ Baptists; số còn lại thuộc một số hệ phái nhỏ lẻ hoặc chỉ tự gọi mình là "người Tin lành". Tại Toà án Tối cao Hoa Kỳ chưa khi nào người ta thấy có đại diện của các tôn giáo như: Phật giáo, Islam giáo, Chính Thống giáo và Giáo hội Mormons.

Tóm lại, từ những điều đã trình bày và các số liệu thống kê nêu trên, chúng ta thấy rằng không ở đâu bằng Hoa Kỳ, tôn giáo luôn gắn liền với guồng máy chính trị. Trong suốt hơn 200 năm tồn tại của Nhà nước Hoa Kỳ, chúng ta khó có thể bắt gặp một gương mặt chính trị gia cao cấp lại không gắn với một tổ chức tôn giáo tồn tại ở nước này. Các chính trị gia cao cấp Hoa Kỳ từ tổng thống đến các nghị sĩ Quốc hội và các thẩm phán của Toà án Tối cao, một mặt họ là thành viên của một đảng phái chính trị (mà chủ yếu thuộc một trong hai đảng lớn là đảng Dân chủ và đảng Cộng hoà), mặt khác họ luôn là một tín đồ của một tôn giáo hay một hệ phái (mà chủ yếu là Kitô giáo - với Công giáo và Tin lành giáo, trong đó các hệ phái Tin lành chiếm ưu thế).

Tôn giáo và chính trị Hoa Kỳ có tác động qua lại lẫn nhau, chi phối lẫn nhau, nhưng khó có thể khẳng định rằng nhân tố tôn giáo đóng vai trò chủ đạo trong đời sống chính trị, nhất là trong cuộc đấu tranh giữa các đảng phái chính trị ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, nếu đảng phái chính trị nào, hay chính trị gia nào coi thường nhân tố tôn giáo trong hoạt động của mình, nhất là trong các hoạt động tranh cử thì sẽ mắc phải sai lầm và tất yếu sẽ dẫn đến thất bại. Do vậy, ngày nay các chính trị gia thuộc đảng Cộng hoà đã thay đổi quan điểm của mình nhằm giành được những lá phiếu ủng hộ của các hệ phái Tin lành miền Nam Hoa Kỳ. Trong khi đó, các chính trị gia người Công giáo khi không có triển vọng thắng cử lại gia nhập đảng Dân chủ. Song dù là đảng viên đảng Cộng hoà hay đảng viên đảng Dân chủ, các chính trị gia Hoa Kỳ đều coi việc tranh thủ giành thiện cảm của các tín đồ tôn giáo là một trong những chủ đề quan trọng trong hoạt động chính trị của mình. Có lẽ đây là nét đặc thù của Hoa Kỳ trong mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị ■

Chú thích:

- 1) Xem: Nguyễn Văn Dũng. Bước đầu tìm hiểu vị trí của tôn giáo trong đời sống chính trị - xã hội Hoa Kỳ nửa sau thế kỉ XX. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 7, năm 2007, tr.60-69.
- 2) Từ đây, các số liệu thống kê trong bài viết được trích theo Báo Độc lập - Tôn giáo, thứ Tư ngày 4 tháng 7 năm 2007 (bản tiếng Nga).